

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 719/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2020/QĐST–HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1957
Địa chỉ: 792/15/8/9/9 QL N, Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố H.
2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Tâm, sinh năm 1944
Địa chỉ: 792/15/8/9/9 QL 5, Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Bà và ông Phạm Văn T do mai mối tiến tới hôn nhân vào năm 2003, không có tổ chức đám cưới, chỉ làm lễ ra mắt báo tin cho hàng xóm và cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình bà và ông T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế; ông T cũng thường hay ghen tuông vô cớ và dùng lời lẽ xúc phạm bà nên từ đó hai vợ chồng xô xát, cự cãi nhau. Hiện nay, bà và ông T vẫn còn sống chung một nhà, nhưng không còn

quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xác định bà và ông T chung sống với nhau không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà M nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T và xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết; bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị M và ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị M được miễn án phí hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Phan Thị M yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tâm.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị M và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Thị M và ông Phạm Văn T tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố H thì bà Phan Thị M và ông Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 2013, không có đăng ký kết hôn tại địa phương là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Do bà M và ông T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không cho bà M ly hôn với ông T mà tuyên bố không công nhận bà M và ông T là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà M trình bày bà và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày bà và ông T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Phan Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Phan Thị M và ông Phạm Văn T là vợ chồng.
2. Về con chung: Bà Phan Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.
4. Về án phí: Bà Phan Thị M được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Xuân Hương